

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC BẢNG	4
DANH MỤC HÌNH VẼ	5
CHƯƠNG I	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	6
1. Tên chủ dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH DABACO BÌNH PHƯỚC.....	6
2. Tên dự án đầu tư: Khu chăn nuôi gà giống Dabaco ứng dụng công nghệ cao, quy mô 200.000 gà giống bố/mẹ.....	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:.....	6
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.....	8
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:.....	11
CHƯƠNG II	12
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	12
1. Sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):.....	12
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	12
CHƯƠNG III	13
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	13
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:.....	13
2. Công trình, biện pháp xử bụi, khí thải.....	16
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	16
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	17
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):.....	18
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.....	19
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): Không.....	22

8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả thải vào công trình thủy lợi: Không có	22
9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không có	22
10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	22
CHƯƠNG 4.....	27
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	27
1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải	27
2. Nội dung cấp phép đối với khí thải:.....	28
Không có.....	28
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	28
4. Đề nghị cấp phép dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại:	28
5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất	28
CHƯƠNG V.....	29
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	29
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:	29
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý:	29
CHƯƠNG IV	34
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	34

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
BTCT	:	Bê tông cốt thép
BOD ₅ ²⁰	:	Nhu cầu oxy sinh học ở nhiệt độ 20°C trong 5 ngày
COD	:	Nhu cầu oxy hoá học
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTRSH	:	Chất thải rắn sinh hoạt
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCKTQG	:	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia
QLMT	:	Quản lý môi trường
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
UBND	:	Ủy Ban Nhân Dân
BNNPTNT	:	Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Nhu cầu sử dụng dầu DO của dự án.....	10
Bảng 1.2: Nhu cầu sử dụng thuốc của Dự án.....	10
Bảng 1.3: Nhu cầu sử dụng lao động của Dự án.....	10
Bảng 3.1. Thống kê công trình hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng.....	15
Bảng 3. 2. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án.....	17
Bảng 3.3: Những nội dung thay đổi về phương án xử lý chất thải giữa quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM so với thực tế.....	22
Bảng 3.4: Bảng hạng mục xin điều chỉnh	24
Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của dự án.....	27
Bảng 5.1: Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm của dự án	29
Bảng 5.2 : Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu	29
Bảng 5.3 : Phương pháp lấy mẫu, bảo quản mẫu nước thải :.....	30
Bảng 5.4 : Phương pháp phân tích mẫu nước thải	30
Bảng 5.5 : Vị trí và thông số lấy mẫu của hệ thống xử lý nước thải trong thời gian hiệu chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải	31
Bảng 5.6: Các thông số quan trắc mẫu nước thải trong thời gian vận hành ổn định	31

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1: Quy trình chăn nuôi gà giống.....	7
Hình 3.1: Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải	13
Hình 3.2: Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn	14
Hình 3.3: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải	14
Hình 3.4: Quy trình xử lý xác gà chết không do dịch bệnh	17

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH DABACO BÌNH PHƯỚC

- Địa chỉ văn phòng: Ấp Suối Đồi, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: ĐỖ VĂN THUẬN
- Điện thoại: 0905.149.931 Email:
- Giấy chứng nhận đầu tư/ đăng ký kinh doanh số: 3801149857 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 07 tháng 6 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15 tháng 01 năm 2019.

2. Tên dự án đầu tư: Khu chăn nuôi gà giống Dabaco ứng dụng công nghệ cao, quy mô 200.000 gà giống bố/mẹ

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Ấp Suối Đồi, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Quyết định phê duyệt số 1028/QĐ-UBND quyết định về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu chăn nuôi gà giống Dabaco ứng dụng công nghệ cao, quy mô 200.000 gà giống bố/mẹ tại ấp Suối Đồi, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
- Công văn số 1414/STNMT-CCBVM của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước ngày 01/06/2021 về việc ý kiến đối với việc điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục công trình so với nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Dự án Khu chăn nuôi gà giống Dabaco ứng dụng công nghệ cao, quy mô 200.000 gà giống bố/mẹ do Công ty TNHH Dabaco Bình Phước làm chủ đầu tư theo Quyết định chủ trương đầu tư (điều chỉnh lần 1) số 627/QĐ-UBND do UBND tỉnh Bình Phước cấp ngày 02/04/2019 điều chỉnh nhà đầu tư từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam sang Công ty TNHH Dabaco Bình Phước.
- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): 200.000 con gà giống bố/mẹ, tổng vốn đầu tư 300.000.000.000 VNĐ, dự án nhóm B.

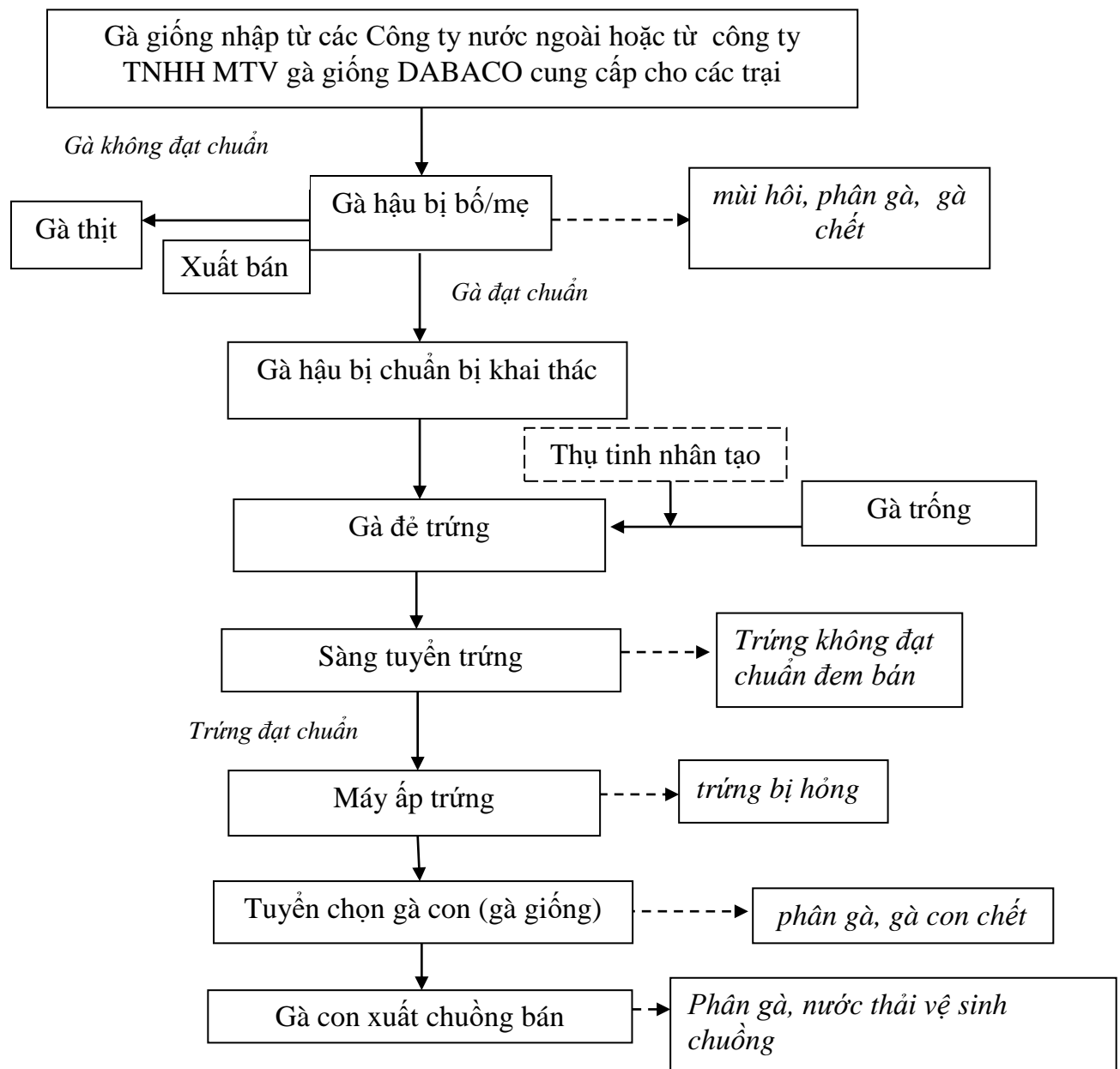
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:

3.1. Công suất của dự án đầu tư

Công suất của dự án đầu tư: Dự án xây dựng Khu chăn nuôi gà giống Dabaco ứng dụng công nghệ cao, quy mô 200.000 gà giống bố/mẹ tại ấp Suối Đồi, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước góp phần thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn của đất nước. Công ty cung cấp con giống

(gà con) chất lượng cao cho các trang trại chăn nuôi ở khu vực tỉnh Bình Phước và lân cận.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:



Hình 1.1: Quy trình chăn nuôi gà giống

Mô tả quy trình công nghệ:

- Để có gà giống đẻ trứng tốt, Công ty sẽ nhập gà giống bố mẹ có chất lượng tốt, có nguồn gốc rõ ràng, khỏe mạnh, có giấy kiểm dịch. Gà nhập từ 01 ngày đến 03 ngày tuổi tùy vào loại giống khác nhau. Thiết kế của khu chăn nuôi có 5 nhà nuôi gà hậu bị và 15 nhà gà đẻ có kích thước giống nhau là: 12m x 110m, 5 nhà nuôi gà trống có kích thước 12m x 60m. Công ty xây dựng công suất chuồng nuôi hậu bị là 240.000 con. Tuy nhiên, trong thực tế gà giống bố/mẹ được nuôi tối đa là 200.000 con. Mục đích chủ dự án xây dựng quy mô chuồng nuôi là 240.000 con là để có chuồng trống để luân chuyển đàn và trong quá trình nhập đàn mới về sẽ được nuôi sang dãy trống còn dãy

nuôi trước được phun thuốc khử trùng, vệ sinh và phơi chuồng. Chuồng nuôi được thiết kế thành các ô lồng và có 3 tầng.

- Gà hậu bị được nuôi khoảng 3,5 tháng, thời gian nuôi chuẩn bị khai thác là 2,5 tháng lúc này tuyển chọn gà hậu bị đạt chuẩn sẽ làm gà đẻ trứng còn gà không đạt yêu cầu sẽ xuất bán làm gà thịt. Gà sau khi đẻ trứng, trứng được sàng tuyển chọn đạt yêu cầu đưa vào máy ấp trứng, trứng không đủ tiêu chuẩn trước khi đem ấp sẽ được bán cho đơn vị thu mua khác. Trứng mang đi ấp bị hỏng không nở con sẽ được bán cho Công ty khác có nhu cầu mua để nấu thành thức ăn cho gia súc. Thời gian nuôi gà đẻ lấy trứng là 12 tháng, số ngày đẻ trứng là 280 ngày, thời gian mỗi lần ấp nở trứng là 21 ngày.

- Gà được nuôi trong chuồng kín, lạnh, nhiệt độ ổn định theo từng độ tuổi nhằm giúp gà phát triển nhanh, hạn chế dịch bệnh. Nhiệt độ trong chuồng nuôi được điều chỉnh theo độ tuổi của gà. Thức ăn và nước uống cho gà hoàn toàn sử dụng hệ thống tự động nhằm cung cấp chính xác lượng thức ăn giúp gà tăng trưởng đồng đều.

- Tổng thời gian nuôi gà từ lúc nhập gà con về cho tới lúc bán gà thải loại sau khai thác là 18 tháng, gà con nở sẽ xuất chuồng cung cấp cho thị trường ngay. Gà giống đẻ trứng xong loại ra sẽ được bán làm gà thịt cho đơn vị khác thu mua.

- + Tỷ lệ gà trống: 6% tổng đàn.
 - + Tỷ lệ gà mái: 94% tổng đàn.
 - + Xác suất gà đẻ trung bình trong thời gian khai thác là: 61,11%.
 - + Tỷ lệ trứng đạt mang vào ấp là: 90%.
 - + Tỷ lệ trứng nở thành gà con: 80%.
 - + Tỷ lệ gà con được suất bán: 96%.
 - + Cân nặng trung bình của 1 con gà sau khi khai thác xong: 2 kg/con.
 - + Gà sau khi khai thác hết thời gian sẽ bán thải loại với giá: 50.000 đ/kg.
 - + Trứng không đủ tiêu chuẩn trước khi đem vào ấp sẽ được bán: 1.500 đ/quả.
- Công ty sẽ tiến hành vệ sinh chuồng nuôi sau mỗi lứa gà xuất chuồng.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư: xuất chuồng khoảng 28 triệu con gà giống/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

a/ Nhu cầu thức ăn của dự án

Thức ăn từ các xe vận chuyển nguyên liệu sẽ được đưa trực tiếp đến các si lô chứa thức ăn của nhà nuôi gà, sau đó tải thức ăn tới từng vị trí phễu bằng máy định lượng và cuối cùng phân phối đến các máng ăn bằng van tự động.

Để tính lượng cám cần cung cấp ta ước tính lượng cám trung bình cung cấp cho gà hậu bị là 37g/con gà hậu bị/ngày $\approx 0,037\text{kg}/\text{con}/\text{ngày}$ và 110g/con gà đẻ/ngày $\approx 0,11\text{kg}/\text{con}/\text{ngày}$. Lượng thức ăn cung cấp hàng ngày cho gà sẽ được tính toán sao cho vừa đủ nhu cầu của gà trong từng giai đoạn: giai đoạn hậu bị, cho gà ăn theo khẩu

phần không chế (theo định lượng) để gà không bị béo sớm, để đàn gà đều con, đẻ tốt, lượng cám cung cấp cho gà đẻ nhiều hơn gà hậu bị. Bình quân mỗi ngày lượng cám cần cung cấp cho tổng đàn gà là 17.109kg, trại mỗi lần nhập cám dùng trong 07 ngày khoảng 120tấn/lần nhập.

Khi trại đi vào hoạt động ổn định lượng gà đẻ đạt 133.000 con thì lượng gà hậu bị khoảng 67.000 con trong trại để có số lượng gà bổ sung và luân chuyển lần lượt sang chuồng gà đẻ. Gà con sau khi nở được một ngày sẽ được xuất bán ngay cho các trại hoặc đơn vị thu mua.

+ Giai đoạn nuôi gà hậu bị: $0,037\text{kg}/\text{con}/\text{ngày} \times 67.000 \text{ con} = 2.479 \text{ kg}/\text{ngày}$

+ Giai đoạn nuôi gà đẻ: $0,11\text{kg}/\text{con}/\text{ngày} \times 133.000 \text{ con} = 14.630 \text{ kg}/\text{ngày}$.

b/ Nhu cầu sử dụng nước, điện trong quá trình chăn nuôi

– Công ty tiến hành khoan giếng để cấp nước cho quá trình chăn nuôi và sinh hoạt của công nhân.

+ Nước cho gà uống tính khoảng:

$$250\text{ml}/\text{con}/\text{ngày} \times 200.000 \text{ con} = 50.000.000\text{ml} = 50\text{m}^3/\text{ngày}.$$

+ Nước cho nhu cầu sinh hoạt của công nhân: Dự án đi vào hoạt động dự kiến sẽ tuyển 100 công nhân phục vụ cho quá trình chăn nuôi. Lượng nước sử dụng được tính là 100L/người/ngày (theo TCVN 33:2006/BXD: Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế).

$$100 \text{ người} \times 100\text{L}/\text{người}/\text{ngày} = 10.000\text{L} = 10 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

+ Nước dùng cho quá trình làm mát chuồng trại: ước khoảng $5\text{m}^3/\text{nàh nuôi}$, lượng nước này được sử dụng tuần hoàn liên tục, sau một thời gian nước tiêu hao sẽ được bổ sung thêm.

$$25 \text{ nhà nuôi} \times 5\text{m}^3 = 125\text{m}^3$$

+ Nước dùng cho quá trình sát trùng: nước sát trùng cho nhân viên và công nhân ra vào trại, nước sát trùng các phương tiện ra vào khu trại.

$$(100 \text{ người} \times 20\text{L}/\text{người}/\text{ngày}) + (50\text{L}/\text{xe} \times 5 \text{ xe}) = 2.250\text{L} \approx 2,25\text{m}^3/\text{ngày}.$$

+ Nước dùng cho quá trình vệ sinh chuồng nuôi ước tính bình quân $5\text{m}^3/\text{chuồng nuôi}$. Tuy nhiên, trong quá trình nuôi gà được luân chuyển theo đợt nhập gà hậu bị chuyển từ nhà nuôi hậu bị sang nhà nuôi gà đẻ. Mỗi lần vệ sinh chuồng nuôi tối đa khoảng 03 chuồng trong tổng số các dãy chuồng của trại.

$$(5\text{m}^3/\text{chuồng} \times 3 \text{ chuồng}) = 15 \text{ m}^3/\text{lần vệ sinh chuồng nuôi}.$$

+ Nước dùng cho PCCC: Lượng nước này sử dụng không thường xuyên, chỉ sử dụng khi có sự cố. Lượng nước dự trữ cấp nước cho hoạt động chữa cháy được tính cho 01 đám cháy trong 2 giờ liên tục với lưu lượng 15 lít/giây/đám cháy.

$$W_{cc} = 15 \text{ lít}/\text{giây}/\text{đám cháy} \times 2 \text{ giờ} \times 3.600 \text{ giây}/1.000 = 108\text{m}^3$$

+ Lượng nước dùng cho dự án gồm: nước sinh hoạt, nước sát trùng, nước làm mát, nước dùng cho vệ sinh sau mỗi lần xuất chuồng, nước cho gà uống.

$$50\text{m}^3 + 10\text{m}^3 + 2,25\text{m}^3 + 15\text{m}^3 + 125\text{m}^3 = 202,25\text{m}^3.$$

+ Lượng nước thải phát sinh thường xuyên của dự án chỉ có nước thải sinh hoạt và nước sát trùng là: $10\text{m}^3 + 2,25\text{m}^3 = 12,25\text{m}^3/\text{ngày}$.

+ Lượng nước thải tối đa vào ngày trại vệ sinh chuồng nuôi gồm: nước thải vệ sinh chuồng, nước thải sinh hoạt, nước sát trùng.

$$2,25 \text{ m}^3 + 15 \text{ m}^3 + 10 \text{ m}^3 = 27,25 \text{ m}^3$$

– Nhu cầu sử dụng điện: Nguồn cung cấp điện cho dự án là nguồn cấp điện từ mạng lưới điện quốc gia, điện sẽ được tiêu thụ cho các mục đích chăn nuôi, sinh hoạt, vận hành hệ thống xử lý nước thải,... ước khoảng 2.500.000 KWh/tháng. Ngoài ra, để đảm bảo nhu cầu cung cấp điện cho Dự án hoạt động được liên tục trong trường hợp gặp sự cố từ lưới điện quốc gia, dự án trang bị 2 máy phát điện dự phòng, công suất mỗi máy 1.500KVA.

c/ Nhu cầu sử dụng dầu DO

Bảng 1.1: Nhu cầu sử dụng dầu DO của dự án

TT	Thiết bị	Nhu cầu
1	Máy phát điện	2.600Kg DO/năm

d/ Nhu cầu thuốc sử dụng trong dự án

Bảng 1.2: Nhu cầu sử dụng thuốc của Dự án

STT	Danh mục	Số lượng	Đơn vị
1	Thuốc kháng sinh + Thuốc bổ	100	Gói/tháng
2	Vắc xin	570	Lọ/tháng
3	Thuốc sát trùng	75	Lít/tháng

e/ Nhu cầu lao động

Bảng 1.3: Nhu cầu sử dụng lao động của Dự án

TT	Loại lao động	Số lượng
1	Quản đốc trại chăn nuôi	01
2	Phó quản đốc trại	01
3	Nhân viên quản lý	03
4	Bác sĩ thú y	05
5	Công nhân kỹ thuật	20
6	Công nhân chăm sóc và vệ sinh chuồng trại	70
Tổng cộng		100

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:

Tổng nguồn vốn đầu tư của dự án: 300.000.000.000 VNĐ.

Trong đó:

- Vốn góp của doanh nghiệp: 90.000.000.000 VNĐ.
- Vốn vay: 210.000.000 VNĐ.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Dự án Khu chăn nuôi gà giống Dabaco ứng dụng công nghệ cao, quy mô 200.000 gà giống bố/mẹ của Công ty TNHH Dabaco Bình Phước đã được UBND tỉnh Bình Phước chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 02/12/2016 và quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 02/04/2019 (điều chỉnh lần 1, điều chỉnh nhà đầu tư từ Công ty cổ phần tập đoàn Dabaco Việt Nam sang Công ty TNHH Dabaco Bình Phước) do đó dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 28/04/2017 dự án phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường của địa phương.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Sự phù hợp của dự án Khu chăn nuôi gà giống Dabaco ứng dụng công nghệ cao, quy mô 200.000 gà giống bố/mẹ đối với khả năng chịu tải của môi trường đã được đánh giá trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thay đổi.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Nước mưa của dự án được thu gom tách biệt với nước thải, một phần nước mưa được thu gom, dẫn về suối Chai, một phần tự thấm trong khu vực dự án. Mặt khác trại tiến hành xây dựng với độ dốc theo địa hình tự nhiên nhằm nhanh thoát nước mưa, tránh hiện tượng ngập úng trong khu trại.

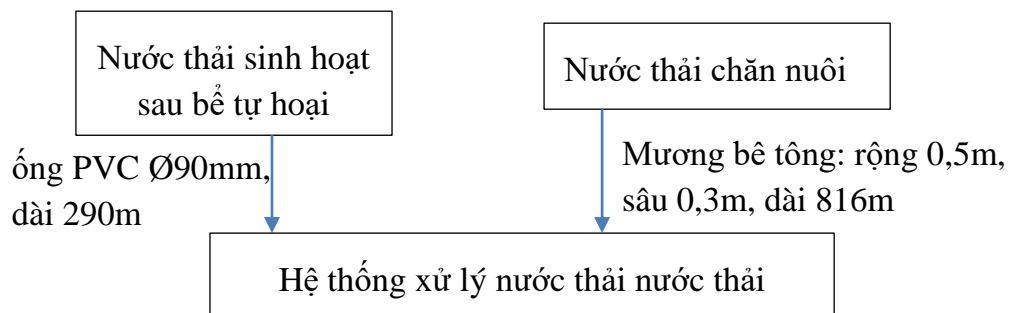
Nước mưa tại khu vực dự án, một phần được thu gom bằng mương bê tông hở, rộng 0,3m, sâu 0,4m dài 760m; một phần được thu gom bằng các cửa thu, chảy theo cống bê tông đường kính từ 400mm đến 1.000mm, tổng chiều dài tuyến cống 1.438m. Trên toàn tuyến thu gom nước mưa có bố trí 58 hố ga, kích thước hố ga (dài x rộng x cao): 1,6m x 1,4m x 1,75m.

Điểm thoát nước mưa nằm ở phía Tây của dự án, chảy ra mương đất, mương đất dọc theo ranh đất của dự án chảy về suối Chai (sơ đồ thoát nước mưa, điểm thoát nước mưa của dự án được thể hiện trong bản vẽ đính kèm phụ lục báo cáo).

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng hệ thống nước ống PVC có kích thước Ø90mm, dài 290m để tiếp tục xử lý.

Nước thải chăn nuôi được thu gom bằng mương bê tông, rộng 0,5m, sâu 0,3m tổng chiều dài tuyến mương thu nước thải là 816m. Nước thải từ các dãy nhà nuôi gà được dẫn về bể kỵ khí của hệ thống xử lý nước thải.

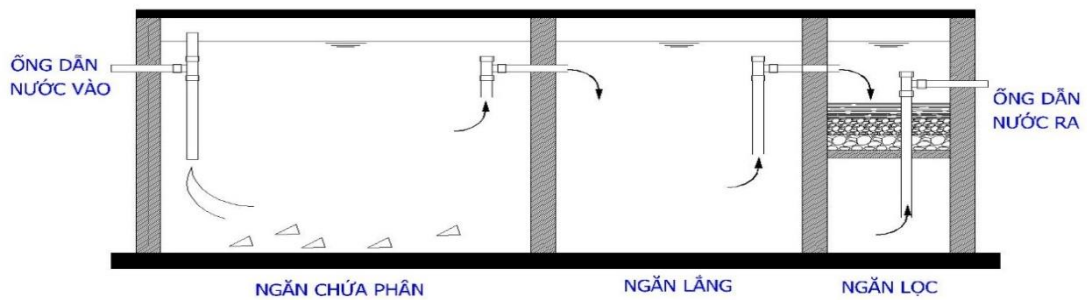


Hình 3.1: Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải

1.3. Công trình xử lý nước thải

❖ Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại trước khi dẫn về bể kỵ khí, sơ đồ cấu tạo bể tự hoại như sau:



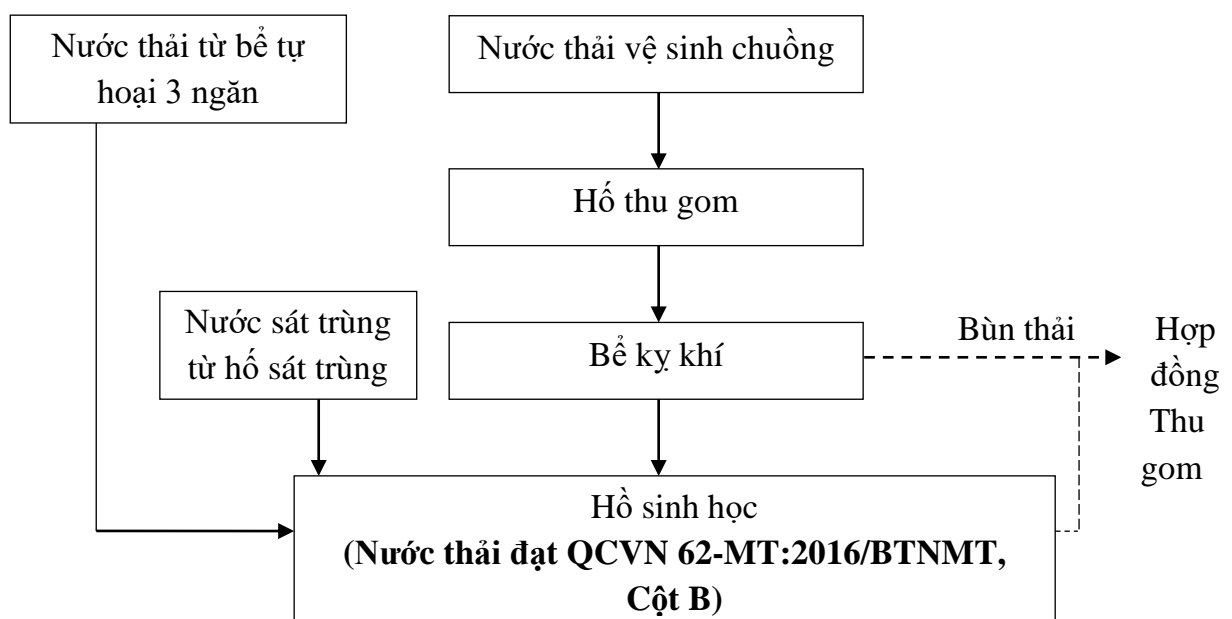
Hình 3.2: Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Nước thải được thải ra và dẫn đến bể phốt. Tại bể phốt, nước thải cặn bã sẽ được xử lý sinh học yếm khí, cặn có trong nước thải được lên men sẽ lắng xuống đáy bể sau đó chảy sang ngăn lọc, sau đó nước chảy sang hồ ga. Tại đây, hồ ga sẽ ngưng đọng lại những chất vẫn còn theo nước ra tích tụ lại thành bùn và nước thải sẽ được dẫn vào hệ thống xử lý chung của trại. Đường ống được bố trí theo nguyên lý chảy tràn chênh lệch mực nước từ trên xuống dưới. Khi cặn bã tại bể phốt đầy, bể phốt được hút để tránh cặn bã dồn ứ gây ra tắc cống nước.

Công ty đã xây dựng hai bể tự hoại với thể tích mỗi bể là 10m^3 (kích thước: chiều dài x chiều rộng x chiều sâu là: 2,6m x 2,6m x 1,5m). Cấu tạo gồm 3 ngăn: ngăn phân hủy, ngăn lắng và ngăn lọc.

❖ **Nước thải chăn nuôi:**

Trại đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải với quy trình như sau:



Hình 3.3: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải

Thuyết minh quy trình xử lý nước thải:

Lượng nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của dự án không đều mà chỉ tập trung chủ yếu trong thời gian vệ sinh chuồng trại khoảng 2tháng/lần để chuẩn bị nuôi lứa mới. Do vậy, chủ dự án đầu tư xây dựng bể kỵ khí vừa có tác dụng chứa nước để ổn định cho các công trình xử lý phía sau, vừa có tác dụng phân hủy một lượng ít phân gà còn sót lại trong quá trình thu gom và còn có lông gà rơi vãi trong chuồng nuôi.

Xử lý chất thải bằng bể kỵ khí dựa trên nguyên tắc hoạt động kỵ khí của các nhóm vi sinh vật tùy nghi và vi sinh vật kỵ khí. Các nhóm vi sinh vật phân huỷ các chất hữu cơ tạo ra các axit hữu cơ, các axit hữu cơ tiếp tục được loại bỏ nhờ các nhóm vi sinh loại axit tạo metan và khí cacbonic. Tại đây vi sinh vật phân huỷ các chất tổng hợp và khí được sinh ra gồm metan (CH₄), nitơ (N₂), cacbon dioxit (CO₂) và hydro sulphate (H₂S). Khi nước thải xử lý ở bể kỵ khí thì BOD, COD giảm khoảng 60% và lưu 60 ngày thì BOD, COD giảm 75 - 80% cặn lơ lửng bị loại bỏ khoảng 70%. Trong bể kỵ khí, dưới sự tác động của các loại vi sinh vật kỵ khí sẽ lên men, làm giảm hàm lượng các chất ô nhiễm có trong nước thải. Độ pH thích hợp nhất là từ 6,8 đến 7,5.

Nước thải sau khi qua bể kỵ khí được dẫn về hồ sinh học, tiếp tục xử lý các chất bẩn còn lại. Trong hồ sinh học diễn ra hai quá trình xử lý song song, một là quá trình xử lý hiếu khí ở bề mặt hồ và một là quá trình xử lý kỵ khí ở đáy hồ (chủ yếu là các cặn lắng).

Nước từ hồ sát trùng: các phương tiện trước khi đi vào trại sẽ đi qua nhà sát trùng xe. Nước sát trùng một phần bám dính vào phương tiện và bốc hơi phần còn lại đọng lại trong hồ chứa nước sát trùng. Lượng nước này định kỳ hàng tháng nạo vét đất, bùn và có van xả nước ra thùng chứa sau đó mang về hồ sinh học.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT được sử dụng để tưới cây trong khu vực trại.

Bảng 3.1. Thống kê công trình hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng

Công trình	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều sâu (m)	Thể tích (m³)	Số lượng	Vật liệu xây dựng
Hồ thu gom	2	2	1	4	01	Bê tông xi măng
Bể kỵ khí	6	6	3,5	126	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Hồ sinh học	14,5	7,5	2	217,5	01	Hồ đất, lót bạt HDPE

- Dự án không sử dụng hoá chất trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải;

- Yêu cầu, quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý: QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B.

2. Công trình, biện pháp xử bụi, khí thải

Công ty đã đầu tư các công trình xử lý bụi khí thải và mùi hôi tại trang trại, cụ thể:

- Xây dựng đường giao thông nội bộ dành riêng cho các phương tiện vận tải ra vào khu vực trang trại.
- Khí thải máy phát điện: khí thải máy phát điện được phát tán ra môi trường bằng ống khói và được pha loãng tải đi xa. Công ty đã lắp đặt ống khói làm bằng thép không gỉ, chịu nhiệt cao, cao vượt mái 2m, đường kính ống khói 25cm.
- Mùi hôi: công ty đã bố trí các quạt hút tại khu vực các chuồng nuôi. Mùi hôi từ quá trình chăn nuôi, từ khu vực nhà đẻ phân được Công ty sử dụng chế phẩm EM để xử lý.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

➤ *Chất thải rắn sinh hoạt*

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình sinh hoạt của công nhân, để giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt, chủ đầu tư áp dụng các biện pháp sau: Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng chứa thích hợp. Các thùng chứa 60 lít được bố trí tại nhà ăn, nhà nghỉ giữa trưa. Hợp đồng với Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ngôi Sao Mới tại hợp đồng số 36/2022/HĐ-XLR kí ngày 24 tháng 03 năm 2022 để thu gom và vận chuyển đem đi xử lý tuân thủ các quy định hiện hành.

➤ *Chất thải rắn không nguy hại*

Chất thải rắn không nguy hại: Đối với chất thải rắn không nguy hại có khả năng tái sử dụng như thùng carton, bao bì đựng lọ, thuốc.... thu gom gọn và lưu chứa tại khu vực tập trung chất thải rắn của dự án sau đó bán cho các đơn vị thu mua phế liệu hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom đưa đi xử lý theo quy định.

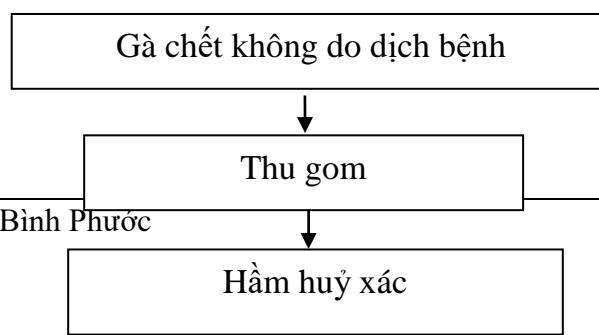
➤ *Phân gà*

Phân gà được thu gom khô hoàn toàn, lưu chứa trong nhà chứa phân. Công ty hợp đồng với đơn vị có nhu cầu thu mua vận chuyển bằng xe chuyên dụng, có thùng đóng kín, đảm bảo không gây ảnh hưởng tới môi trường.

Công ty đã bố trí 02 nhà chứa phân có tổng diện tích 200,8m² để chứa phân tại trại. Nhà chứa phân là công trình cấp IV, kết cấu khung chịu lực bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền bê tông, mái lợp tole.

➤ *Gà chết không do dịch bệnh*

Gà chết không do dịch bệnh sẽ được xử lý bằng hầm huỷ xác với quy trình như sau:



Hình 3.4: Quy trình xử lý xác gà chết không do dịch bệnh

Thuyết minh quy trình xử lý xác gà chết không dịch bệnh bằng hầm huỷ xác:

Gà chết không dịch bệnh phát sinh từ dự án sẽ được chuyển ngay ra khu vực hầm huỷ xác.

Khu vực huỷ xác: Khu vực huỷ xác được bố trí bên trong khu đất của dự án biệt lập và cách xa với khu vực chuồng nuôi. Trang trại bố trí và xây dựng hầm huỷ xác có kết cấu bê tông chống thấm, cửa đóng kín với kích thước: Dài x rộng x sâu = 6m x 6m x 4m, hầm huỷ được chia thành 2 ngăn nằm liền nhau, mỗi ngăn có kích thước 6m x 3m x 4m, có 2 cửa (mỗi ngăn 1 cửa), để bỏ xác gà chết, cánh cửa bằng tôn, với kích thước dài x rộng: 0,4m x 0,4m. Bề mặt hầm huỷ xác bố trí cửa kín có rắc vôi bột đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

Quy trình huỷ xác:

- Bước 1: Sau khi hoàn tất công tác bố trí và xây dựng hầm huỷ xác, tiến hành rải vôi bột làm lớp lót đáy của hầm huỷ xác.
- Bước 2: Cho xác động vật và sản phẩm động vật cần tiêu huỷ xuống hầm.
- Bước 3: Rải một lớp vôi bột lên lớp xác vừa được đưa vào hầm. Tuỳ theo số lượng xác để rải vôi bột.
- Bước 4: Đóng cửa sau khi thực hiện các bước trên. Sau khi bị chét, xác động vật sẽ được phân huỷ tương tự quá trình vô cơ hoá chất hữu cơ trong tự nhiên.
- Bước 5: Phía ngoài khu vực hầm huỷ xác, tạo một rãnh nước với kích thước: rộng 20 – 30cm và sâu 20 – 25 cm, có tác dụng dẫn nước mưa thoát ra ngoài, tránh ứ đọng nước quanh hầm huỷ xác.
- Bước 6: Trên bề mặt hầm huỷ xác, rắc vôi bột với lượng 0,8kg/m² hoặc phun dung dịch chlorine nồng độ 2%, với lượng 0,2 – 0,25 lít/m² để hạn chế khả năng phát tán mùi và nguy cơ bệnh dịch nếu có trong quá trình thao tác.
- Bước 7: Khi lượng xác gà tại ngăn 1 đầy, công ty tiến hành bỏ xác gà vào ngăn thứ 2. Trong thời khoảng 3 – 6 tháng thì xác gà tại ngăn 1 đã phân huỷ và sẽ được đem đi bón cây.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Dự báo về khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành khoảng 733kg/năm ~ 61,1 kg/tháng.

Bảng 3. 2. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực in thải có các thành phần	Rắn	3	08 02 04

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu chăn nuôi gà giống Dabaco ứng dụng công nghệ cao, quy mô 200.000 gà giống bố/mẹ”

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
	nguy hại			
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/lỏng	20	13 02 01
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	10	16 01 06
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	50	17 02 03
5	Bao bì mềm (bao gồm bao bì thuốc thú y)	Rắn	185	18 01 01
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa (bao gồm chai lọ đựng thuốc thú y)	Rắn	325	18 01 03
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	40	18 02 01
8	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	100	19 06 01
Tổng số lượng			733	

Chất thải nguy hại được thu gom vào các thùng chứa và đưa vào kho chứa chất thải nguy hại, công ty đã xây dựng nhà chứa chất thải nguy hại diện tích 20m². Công ty đã tiến hành lập Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 70.000351.T cấp lần đầu ngày 04/11/2019 và ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Công nghệ An Huy hợp đồng số 99/2021/HĐ/AH-MPĐ ngày 02/08/2021 để thu gom và xử lý.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):

Để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh, một số biện pháp giảm thiểu được công ty áp dụng như sau:

- Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ xe tải và máy phát điện).

- Máy phát điện được đặt trong phòng cách ly cách xa khu vực nhà kho, máy được đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su, gỗ nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung.

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ chuyển gà và nguyên liệu lên xuống xe.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

➤ Quản lý chương trình vacxin và phòng chống dịch bệnh

Xác định đúng danh mục các bệnh phải tiêm phòng bắt buộc của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành và yếu tố dịch tễ lưu ý thuộc các chủng mầm bệnh đang thịnh hành tại vùng tỉnh Bình Phước và vùng lân cận. Hiện trạng miễn dịch và sự duy trì kháng thể có thể được kiểm tra bằng phương pháp thử huyết thanh thích hợp. Hiệu quả của chương trình phải được giám sát bằng các kiểm tra huyết thanh trong phòng thí nghiệm đối với các mẫu lấy từ các đàn.

Khi thực hiện việc tiêm vacxin phải có sự phân công trách nhiệm được ghi chép chi tiết và chữ ký của người chịu trách nhiệm. Áp dụng các biện pháp thực hiện nghiêm ngặt, ghi chép đầy đủ, duy trì quy định tiêm phòng thường xuyên theo lứa tuổi. Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ Chương trình tiêm phòng cúm gia cầm, Newcastle và chương trình giám sát dịch bệnh của dự án.

➤ Vệ sinh cơ bản

Khu trại được thiết kế ngay cổng ra vào có hồ chứa nước sát trùng và hệ thống máy phun sát trùng cho bất cứ phương tiện nào đi ra vào trại. Đối với công nhân viên và khách tham quan trước khi ra vào trại đều phải tuân thủ quy định của trại là tắm nước sát trùng và thay đồ mới sử dụng trong trại. Quần áo của công nhân và khách được giặt và sát trùng mỗi ngày.

➤ Vệ sinh chuồng nuôi

Sau mỗi đợt xuất chuồng cần phải vệ sinh sạch sẽ chuồng trại, thu gom phân trên sàn nếu có, phun thuốc sát trùng cho các chuồng trước khi thả đàn gà mới.

➤ An toàn vệ sinh thú y

Chương trình vệ sinh phòng dịch tuân thủ tuyệt đối theo chương trình vệ sinh phòng dịch quốc gia. Bên cạnh đó trại cũng có chương trình phòng dịch riêng của các chuyên gia vạch ra nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối cho sức khỏe của đàn gà và môi trường.

➤ An toàn sinh học – Phòng chống dịch bệnh trong chăn nuôi

Chương trình an toàn sinh học là việc áp dụng tổng hợp và đồng bộ các biện pháp kỹ thuật quản lý nhằm ngăn ngừa sự tiếp xúc giữa vật nuôi và mầm bệnh nhằm đảm bảo cho đàn vật nuôi được hoàn toàn khỏe mạnh và không bị dịch bệnh.

– Chăn nuôi an toàn sinh học sẽ góp phần:

- + Ngăn cản sự xâm nhập của mầm bệnh từ bên ngoài trại vào trong trại.
- + Không để mầm bệnh lây lan giữa các khu vực trong trại.
- + Không để vật nuôi trong trại phát bệnh.
- + Ngăn cản sự lây lan mầm bệnh từ trong trại (nếu có) ra ngoài trại.
- + *Các nguyên tắc cơ bản trong thực hành chăn nuôi an toàn sinh học:*

Khi có bệnh xảy ra phải:

- Thông báo ngay cho cán bộ thú y;
- Không bán chạy, không ăn thịt gia cầm trong đàn bị bệnh, không vứt xác chết bừa bãi;
- Cách ly ổ dịch, tiêu hủy toàn bộ gia cầm chết, mắc bệnh và các gia cầm khác trong đàn, tiến hành sử dụng lò đốt tiêu hủy theo hướng dẫn của cơ quan thú y địa phương.
- Vệ sinh tiêu độc ổ dịch theo trình tự sau:
 - + Phun sát trùng, tiêu độc toàn bộ khu vực chăn nuôi liên tục 2-3 lần trong tuần đầu. Riêng chuồng nuôi phải để nguyên trạng, phun thuốc sát trùng và ủ 5-7 ngày;
 - + Quét dọn, thu gom và tiêu hủy phân.
 - + Rửa sạch chuồng trại và các dụng cụ chăn nuôi phải được thu gom.
 - + Việc nuôi gia cầm trở lại phải được sự đồng ý của các cơ quan quản lý thú y.
 - + **Chú ý:** Tất cả những người tiếp xúc với gia cầm bệnh, phải sử dụng bảo hộ lao động, tránh lây nhiễm bệnh.

Biện pháp phòng tránh chung trong vùng chưa có dịch

- Không tiếp xúc với gia cầm, trừ trường hợp bắt buộc.
- Người chăn nuôi phải sử dụng trang bị bảo hộ lao động trong khi làm việc. Sau khi làm việc phải tắm rửa, để quần áo, giày dép ở khu vực riêng.

Biện pháp phòng tránh trong vùng dịch

- Người chăn nuôi, người vận chuyển, kiểm tra và tiêu hủy gia cầm phải sử dụng trang bị bảo hộ lao động:
 - Mặc quần áo bảo hộ liền bộ, dài tay, không thấm nước;
 - Đeo gang tay cao su loại dày đã được khử trùng;
 - Đeo khẩu trang; đeo kính bảo hộ; đội mũ bảo hộ; đi ủng cao su
 - Những người tiếp xúc với gia cầm bệnh cần rửa tay sạch sẽ bằng xà phòng.
 - Thường xuyên theo dõi sức khỏe đàn gà. Nếu thấy có gà bệnh:
 - + Phải báo ngay cho cán bộ thú y, cán bộ kỹ thuật của Công ty;
 - + Không bán chạy, không ăn thịt gia cầm bệnh, không vứt xác chết bừa bãi;
 - + Phải tiêu hủy toàn bộ đàn gia cầm theo quy định;
 - + Quét dọn phân, khử trùng chuồng nuôi, dụng cụ chăn nuôi theo hướng dẫn của thú y;
 - + Những người đã tiếp xúc với gia cầm bệnh, khi thấy có ho, sốt phải đến ngay cơ sở y tế gần nhất để khám.

➤ ***Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ***

Nếu có cháy, nổ xảy ra trong quá trình hoạt động của Dự án thì tác hại đối với tài sản và tính mạng của công nhân khá lớn. Vì vậy, các khu nhà phải đảm bảo khâu thiết kế phù hợp với yêu cầu phòng cháy chữa cháy. Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa phải được bố trí thật an toàn.

- Kiểm tra các thiết bị, đảm bảo luôn trong tình trạng an toàn về điện.
- Lắp đặt hệ thống PCCC theo đúng quy định của nhà nước Việt Nam. Tập huấn định kỳ về PCCC cho nhân viên của Dự án.

➤ Tai nạn lao động

Để đảm bảo an toàn lao động, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Tổ chức các buổi tập huấn an toàn lao động định kỳ cho toàn khu chăn nuôi.
- Giám sát chặt chẽ việc tuân thủ an toàn lao động của công nhân.

➤ Sự cố bể tự hoại

- Định kỳ bơm hút bể tự hoại.
- Nếu xảy ra sự cố, Chủ Dự án sẽ kịp thời sửa chữa, khắc phục để tránh gây tác động tới môi trường.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): Không

8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả thải vào công trình thủy lợi: Không có

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không có

10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Bảng 3.3: Những nội dung thay đổi về phương án xử lý chất thải giữa quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM so với thực tế

STT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Quyết định phê duyệt điều chỉnh của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM/ Lý do điều chỉnh
-----	----------------------------------	-------------------------------------	---	---

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu chăn nuôi gà giống Dabaco ứng dụng công nghệ cao, quy mô 200.000 gà giống bố/mẹ”

1	Hệ thống xử lý nước thải	Nước thải sinh hoạt → Hồ sinh học; Nước sát trùng từ hố sát trùng → Bể khử trùng; Nước thải vệ sinh chuồng → Hồ thu gom → Hồ Hàm biogas → Hồ sinh học → Bể khử trùng, nước thải xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B được sử dụng cho tưới cây.	Nước thải sinh hoạt, nước sát trùng từ hố sát trùng → Hồ sinh học; Nước thải vệ sinh chuồng → Hồ thu gom → Bể kỵ khí → Hồ sinh học, nước thải xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B được sử dụng cho tưới cây	Theo quyết định số 1414/STNMT-CCBVMT ngày 01/6/2021 chấp thuận cho công ty điều chỉnh HTXLNT theo phương án: Nước thải sinh hoạt, nước sát trùng từ hố sát trùng → Hồ sinh học; Nước thải vệ sinh chuồng → Hồ thu gom → Hồ Hàm biogas → Hồ sinh học, nước thải xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B được sử dụng cho tưới cây. Công ty thay đổi xây dựng hầm biogas bằng bể kỵ khí để phù hợp với thực tế tại trại.
2	Xử lý xác gà	Gà chết không do dịch bệnh được xử lý bằng lò đốt.	Gà chết không do dịch bệnh xử lý bằng phương pháp vô cơ hoá phân huỷ tại hầm huỷ xác có kết cấu bê tông chống thấm, kích thước dài x rộng x sâu = 6m x 6m x 4m, chia làm 02 ngăn, mỗi ngăn 1 cửa. Bề mặt hầm huỷ xác bố trí cửa kín rắc vôi bột đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.	Theo quyết định số 1414/STNMT-CCBVMT ngày 01/6/2021.
3	Phân gà	Phân gà được ủ và hợp đồng thu gom.	Phân gà thu gom khô và hợp đồng thu gom.	Để phù hợp thực tế chăn nuôi tại trại, công ty xin thay đổi phương án thu gom và xử lý phân gà, thu gom phân khô từ chuồng, không tiến hành ủ phân tại trại.

Ngoài các phương án xử lý chất thải phát sinh tại trại, công ty xin thay đổi như trên, trong quá trình triển khai xây dựng dự án, công ty xin điều chỉnh, bổ sung các hạng mục công trình và điều chỉnh diện tích một số hạng mục công trình so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, vì các lý do sau:

- Vì nhận thấy thiếu sót trong quá trình xây dựng, chăn nuôi nên xin điều chỉnh kích thước, bổ sung một số hạng mục để đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động.
- Điều chỉnh kích thước một số hạng mục:
 - + các hạng mục công trình phụ trợ: nhà bảo vệ, nhà để xe, nhà ở công nhân, kho thuốc, nhà vệ sinh thú y, nhà sát trùng xe, nhà điều hành, nhà trạm bơm, nhà máy phát điện, nhà mổ gà, kho cám, chuồng gà hậu bị, chuồng gà trống, chuồng gà đẻ, nhà để phân, nhà ấp trứng.
 - + Các hạng mục xin xây dựng bổ sung: chuồng nuôi sà, kho cơ điện, chuồng gà đẻ (thụ tinh nhân tạo), nhà bảo vệ + nhà bán gà, bể nước 600m³, bể nước 1000 m³.
- Diện tích các hạng mục công trình của dự án có điều chỉnh, bổ sung tuy nhiên tổng diện tích thực hiện dự án không thay đổi và vẫn đảm bảo diện tích cây xanh theo quy định. Quy mô công suất sản xuất của dự án không thay đổi, bổ sung 5 chuồng nuôi sà với mục đích dẫn đàn, phòng tránh nguy cơ lây lan dịch bệnh, tạo môi trường an toàn sinh học.

Các hạng mục công trình điều chỉnh so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt cụ thể như sau:

Bảng 3.4: Bảng hạng mục xin điều chỉnh

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích (m ²)	Tên gọi hạng mục điều chỉnh (nếu có)	Số lượng	Diện tích
1	Nhà bảo vệ	1	20,25	Nhà bảo vệ	1	12
2	Hồ sát trùng xe	4	112	-	-	-
3	Nhà để xe	1	75	Nhà để xe	1	162,4
4	Nhà giám đốc	1	54,94	-	-	-
5	Nhà bếp, nhà ăn	2	289	-	-	-
6	Nhà công nhân	4	1.530	Nhà ở công nhân	1	832,2
7	Kho thuốc	1	201,14	Kho thuốc	1	201,1
8	Nhà vệ sinh thú y	1	129,32	Nhà vệ sinh thú y	1	112,2
9	Nhà sát trùng xe	1	112	Nhà sát trùng xe	1	48,4
10	Nhà điều hành	1	526,24	Nhà điều hành	1	1.033,6
11	Khu xử lý nước cấp	1	200	Nhà trạm	1	32,2

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu chăn nuôi gà giống Dabaco ứng dụng công nghệ cao, quy mô 200.000 gà giống bố/mẹ”

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích (m²)	Tên gọi hàng mục điều chỉnh (nếu có)	Số lượng	Diện tích
				bơm		
12	Nhà máy phát điện	1	49,64	Nhà máy phát điện	1	113,8
13	Nhà mổ gà (kiểm tra, chẩn đoán bệnh)	1	100	Nhà mổ gà	1	17,9
14	Kho chứa cám	1	162,72	Kho cám	1	151,9
15	Nhà gà hậu bị	5	6.600	Chuồng gà hậu bị	3	4.626
16	Nhà gà trống	5	3.600	Chuồng gà trống	6	9.340,2
17	Nhà gà đẻ	15	19.800	Chuồng gà đẻ	15	23.235,5
18	HTXLNT					
18a	Hố thu gom	1	4	Hố thu gom	1	4
18b	Biogas	1	36	BỂ kỵ khí	1	36
18c	Hồ sinh học	1	80	Hồ sinh học	1	108,75
18d	Bể khử trùng	1	4	-	-	-
19	Nhà để phân	1	119	Nhà phân	2	200,8
20	Trạm biến áp	1	30			
21	Nhà ấp trứng	1	1.000	Nhà trứng	1	227
22	Nhà khử trùng công nhân	2	32			
23	Kho chứa CTR	1	20			
24	Kho chứa CTNH	1	20	Kho chứa CTNH	1	20
25	Nhà để lò đốt	1	9			
26	Cây xanh	--	56.950			
27	Sân phơi bùn	1	20			
28	Nhà ủ phân	1	1.600			
29	Giao thông nội bộ	--	22.500			
30	Đất dự trữ	--	145.376	Đất dự trữ		96.025,66
HẠNG MỤC BỔ SUNG						

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu chăn nuôi gà giống Dabaco ứng dụng công nghệ cao, quy mô 200.000 gà giống bố/mẹ”

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích (m²)	Tên gọi hàng mục điều chỉnh (nếu có)	Số lượng	Diện tích
1	Chuồng nuôi sàn				5	7.256,6
2	Kho cơ điện				1	158,4
4	Nhà bảo vệ + Nhà bán gà				1	34,4
5	Bể nước 600m ³				1	246,8
6	Bể nước 1.000m ³				3	1.368
Tổng			227.800			

CHƯƠNG 4

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải

Nguồn phát sinh nước thải của dự án gồm 02 nguồn thải chính:

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt
- + Nguồn số 02: Nước thải chăn nuôi (nước thải vệ sinh chuồng và nước sát trùng)

Lưu lượng nước thải tối đa: Tổng lưu lượng phát sinh nước thải của dự án là 27,25 m³/ngày đêm cụ thể như sau:

- + Nguồn số 01: Lưu lượng tối đa khoảng 10 m³/ngày đêm
- + Nguồn số 02: Lưu lượng nước thải tối đa là 17,25 m³/ngày đêm

Dòng nước thải: Dự án có 02 nguồn nước thải gồm nước thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt được xử lý tập trung qua hệ thống xử lý nước thải và đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B trước khi đưa vào mục đích tưới tiêu, rửa chuồng, làm mát.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Nước thải của dự án là nước thải sinh hoạt, chăn nuôi được xử lý đạt cột B QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, QCVN 01-15:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học; giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng thải như sau:

Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của dự án

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Giá trị C - Cột B	QCVN 01-15:2010/BNNPTNT
1	pH ^(a,b)	-	5,5 - 9	-
2	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	100	-
3	COD ^(b)	mg/L	300	-
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	150	-
5	Tổng Nitơ	mg/L ml	150	-
6	Tổng Coliform ^(b)	MPN/100mL hoặc CDU/100 ml	5000	5000
7	Coli phân	MPN/100mL	-	500
8	Salmonella	MPN/50mL	-	KPH

2. Nội dung cấp phép đối với khí thải:

Không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Các phương tiện tham gia vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào trang trại;
- Nguồn số 2: Từ quá trình chạy máy phát điện khi mất điện, tuy nhiên tác động do tiếng ồn phát sinh từ nguồn này là không thường xuyên.

Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

- Tiếng ồn tại dự án nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc là 85 dBA.

4. Đề nghị cấp phép dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại:

Không có

5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

Không có

CHƯƠNG V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:

1.1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm

Bảng 5.1: Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm của dự án

STT	Công trình bảo vệ môi trường	Thời gian dự kiến
1	Công trình xử lý nước thải sinh hoạt, chăn nuôi	08/2022 – 10/2022
2	Công trình hầm huỷ xác gà	08/2022 – 10/2022
3	Kho chứa chất thải rắn thông thường và nguy hại	08/2022 – 10/2022

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý:

❖ Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý.

Bảng 5.2: Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu

STT	Kế hoạch lấy mẫu	Số lượng	Thời gian dự kiến
1	Đầu vào HTXL nước thải	5	08/2022 – 10/2022
2	Đầu ra HTXL nước thải	5	08/2022 – 10/2022
3	Nước thải trước HTXL	1	10/2022
4	Nước thải sau HTXL	7 (lấy trong 7 ngày liên tiếp)	

- Kế hoạch đo đạc, lấy mẫu phân tích, thời gian, tần suất lấy mẫu thực hiện theo ĐTM:

+ Giám sát nước thải: pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng Nito, Tổng Coliform, Coli phân, Sanmonella.

01 điểm nước thải đầu vào hệ thống xử lý

01 điểm tại đầu ra hệ thống xử lý.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện:

- Trung tâm nghiên cứu Dịch vụ Công nghệ & Môi trường tiến hành đo đạc, lấy mẫu phân tích.

+ Địa chỉ: Số 20, đường số 4, phường 15, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Điện thoại: 028.39162814

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường số hiệu vimcerts 089 theo quyết định số 577/QĐ-BTNMT ngày 25/03/2022 của bộ tài nguyên và môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

+ Chứng chỉ công nhận phòng thí nghiệm mã số vilas 495 theo quyết định số 758.2020/QĐ-VPCNCL ngày 15/09/2020 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng.

❖ **Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải (lấy mẫu tổ hợp và mẫu đơn).**

🔗 Phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích :

Bảng 5.3: Phương pháp lấy mẫu, bảo quản mẫu nước thải:

TT	Loại mẫu	TCVN lấy mẫu
1	Nước thải	TCVN 6663-1:2011 TCVN 6663-3:2016 TCVN 5999:1995


Phương pháp phân tích mẫu, áp dụng đối với phương pháp phân mẫu nước thải bảng sau :

Bảng 5.4: Phương pháp phân tích mẫu nước thải

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	pH	-	TCVN 6492 : 2011
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	TCVN 6001 -1: 2008
3	COD	mg/L	SMEWW 5220.C : 2017
4	TSS	mg/L	TCVN 6625 : 2000
5	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6638 : 2000

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu chăn nuôi gà giống Dabaco ứng dụng công nghệ cao, quy mô 200.000 gà giống bố/mẹ”

6	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187 – 2:2020
7	Coli phân	MPN/100mL	TCVN 6187 – 2:1996
8	Samonella	MPN/100mL	ISO 19250:2010

 Thời gian tiến hành thử nghiệm và lấy mẫu phân tích

Đối với mẫu nước thải từng công đoạn, mẫu tổ hợp được lấy theo thời gian gồm 03 mẫu đơn lấy ở 03 thời điểm khác nhau trong ngày (sáng, trưa – chiều, chiều – tối) được trộn đều với nhau.

Bảng 5.5: Vị trí và thông số lấy mẫu của hệ thống xử lý nước thải trong thời gian hiệu chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tổng số mẫu (tổ hợp)	Ngày lấy	Quy chuẩn
1	NT01 : Đầu vào Hệ thống xử lý nước thải	pH, BOD ₅ , COD, TSS, Tổng Nitơ, Coliform, Coli	05 mẫu	08/2022 – 10/2022	<p align="center">QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B,</p> <p align="center">QCVN 01-15:2010 /BNNPTNT</p>
2	NT02 : Đầu ra Hệ thống xử lý nước thải	phân, Samonella			

Đối với mẫu nước thải đánh giá sự phù hợp của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải. Tần suất quan trắc 1 ngày/lần, đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 7 ngày liên tiếp.

Bảng 5.6: Các thông số quan trắc mẫu nước thải trong thời gian vận hành ổn định

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tổng số mẫu (tổ hợp)	Ngày lấy	Quy chuẩn
1	NT01 : Mẫu nước thải trước khi vào hệ thống xử lý nước thải	pH, BOD ₅ , COD, TSS, Tổng Nitơ, Coliform, Coli phân, Samonella	01 mẫu	10/2022	<p align="center">QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B, QCVN 01-15:2010/BNNPTNT</p>
2	NT02 : Mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải		07 mẫu	10/2022	

2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

a. Giám sát môi trường không khí

- Giám sát môi trường không khí trong khu vực chăn nuôi:

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm tại giữa các dãy nhà nuôi gà.

+ 01 điểm tại nhà điều hành đầu khu vực trại.

+ Chỉ tiêu giám sát: tiếng ồn, vi khí hậu, bụi, NO₂, SO₂, CO, H₂S.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT., QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT.

b. Giám sát môi trường nước thải

- Vị trí giám sát:

+ 01 mẫu tại hồ thu gom nước thải đầu vào hệ thống xử lý.

+ 01 mẫu tại hồ sinh học.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, COD, BOD, Tổng nitơ, tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B.

c. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục, định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- Quy định áp dụng: Luật số 72/2020/QH14, nghị định số 08/2022/NĐ-CP, thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

d. Giám sát môi trường nước ngầm

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại giếng khoan trong khu trại.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, độ cứng, Tổng số chất rắn, COD, Clorua, Nitrit, Nitrat, Sulfat, Amoni, Asen, Sắt tổng, Coliform, Ecoli.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN09-MT:2015/BTNMT.

e. Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại suối Chai gần dự án.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, DO, TSS, BOD₅, COD, Nitrit, Nitrat, Phosphat, Asen, Amoni, Clorua, Coliform.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

-Tiêu chuẩn so sánh: QCVN08-MT:2015/BTNMT, cột B1.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

- Kinh phí để thực hiện chương trình giám sát môi trường của Dự án trong mỗi đợt dự kiến khoảng 15.000.000 VNĐ.

CHƯƠNG IV

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Công ty cam kết sẽ xử lý chất thải theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Cam kết sẽ xử lý nước thải đầu ra đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01 – 15:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi gà an toàn sinh học.
- Cam kết chất lượng không khí đạt QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - mức cho phép ánh sáng tại nơi làm việc, QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu-giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc, QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc và QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- Cam kết các chỉ tiêu trong nước ngầm tại giếng khoan trong trang trại đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN09-MT:2015/BTNMT.
- Đối với chất thải rắn không nguy hại và rác thải sinh hoạt, Công ty sẽ ký hợp đồng thu gom và xử lý với các đơn vị có chức năng để thu gom xử lý.

PHỤ LỤC